TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống

Ông Hứa Trọng Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1973 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn G, sinh năm 1975 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

- Về hôn nhân: Nguyên vào năm 1995 bà H có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với ông Phan Văn G, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị mất). Khi chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông G thường hay đi nhậu, mỗi khi về nhà ông G thường chửi, đánh đập bà H nhiều lần. Vợ chồng bà H cũng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, trong

thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Phan Văn G.

- Về con chung: Có 02 người con tên: Phan Minh Trí, sinh năm 1996 và Phan Phú Hào, sinh năm 2003. Khi ly hôn con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn G trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông G xác định vợ chồng ông thành hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới nhưng nay giấy kết hôn đã bị thất lạc. Quá trình chung sống với bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông G đồng ý ly hôn với bà H.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung như bà H trình bày. Khi ly hôn con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phan Văn G; Về con chung: Đã trưởng thành không xem xét; Về chia tài sản, nợ thu, nợ trả: không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn G nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phan Văn G có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông G là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Năm 1995 bà H và ông G kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Bà H và ông G xác định ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nhưng hiện tại giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đất Mới cung cấp thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông G. Tại Công văn số 66/UBND ngày 19/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đất Mới thể hiện thông tin *"Qua tra cứu hồ sơ, sổ bộ kết hôn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới từ năm 1995 đến 2003 không có thông tin hiển thị đăng ký kết hôn của ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Mỹ H" (bút lục số 28).* Do đó không có căn cứ xác định rằng bà H và ông G có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật.

Từ đó, cho thấy hôn nhân của bà H và ông G không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phan Văn G.

- Về con chung: Có 02 người con tên: Phan Minh Trí, sinh năm 1996 và Phan Phú Hào, sinh năm 2003.

Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".*

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Ý kiến của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phan Văn G.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu. Ngày 15 tháng 02 năm 2024, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013879 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, bà H không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân